

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 165/2022/DS-ST

Ngày: 12-9-2022

*“Về tranh chấp hợp đồng góp hui”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Thạch Hùng.

Ông Huỳnh Bửu Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 677/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng góp hui”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2022/QĐST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Ánh Ng**, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị **Thạch Thị Ph**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông **Thạch Thia Ri** – Giáo viên hưu trí (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị Ánh Ng trình bày:* Chị có làm đầu thảo, loại hụi 3.000.000 đồng, thỏa thuận bằng lời nói 01 tháng khui 02 lần, ai kêu thăm cao thì hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 15 phần hụi, dây số 10, hụi mở ngày 25/12/2019 chị Thạch Thị Ph tham gia 01 phần, trong danh sách chị ghi tên chị Ph là “*Phoi SRình*” chị Ph hốt hụi trong lần mở hụi kỳ thứ 05 kêu là 1.970.000 đồng chị đã giao hụi cho chị Ph đầy đủ, chị Ph đóng hụi chết đến lần thứ 10, sau đó từ lần khui thứ 11 vào ngày 25/5/2020 thì chị Ph không đóng hụi chết từ lần thứ 11 đến thứ 15 nên chị đã choàng hụi 04 kỳ hụi với số tiền là 12.000.000 đồng và khi chị hốt hụi thứ 14 chị Ph không đóng hụi chết số tiền là 3.000.000 đồng, tổng cộng chị Ph còn nợ chị là 15.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị Ph trả cho chị số tiền chị đã choàng hụi thay là 12.000.000 đồng và số tiền chị Ph hốt hụi lần thứ 05 chị đóng hụi sống là 1.030.000 đồng. Như vậy chị yêu cầu chị Ph trả số tiền là 13.030.000 đồng. Chị không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn chị Thạch Thị Ph vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2021 có nội dung:* Chị Ph thừa nhận có tham gia hụi do chị Ng làm đầu thảo loại 3.000.000 đồng, thỏa thuận lời nói 01 tháng khui 02 lần, ai kêu thăm cao sẽ hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, dây hụi khui lần đầu vào ngày 25/12/2019, chị tham gia 01 phần trong dây hụi số 10 và chị đã hốt hụi. Sau đó từ lần khui thứ 11 vào ngày 25/5/2020 chị không đóng hụi chết cho chị Ng do bế hụi, nên chị còn nợ chị Ng 05 lần hụi chết với tiền là 15.000.000 đồng. Chị thừa nhận có nợ tiền hụi chị Ng là 15.000.000 đồng nhưng chị không có tiền để trả do đó chị không đồng ý ký tên vào biên bản vì ký tên thì chị không có tiền để trả chị Ng.

**Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:** Chị Thạch Thị Ph thừa nhận còn nợ chị Thạch Thị Ánh Ng số tiền hụi chết chưa đóng là 15.000.000 đồng.

### ***Những vấn đề các đương sự không thống nhất:***

Chị Ng yêu cầu chị Ph trả số tiền hụi còn nợ là 13.030.000 đồng.

Chị Ph không đồng ý trả cho chị Ng.

### ***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt không có lý do tại phiên tòa sơ thẩm.

**Về nội dung vụ án:** Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Thạch Thị Ph có nghĩa vụ trả cho chị Thạch Thị Ánh Ng số tiền là 13.030.000 đồng. Đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 1.970.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Thạch Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền choàng hui thay là 13.030.000 đồng là có thật mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng nhưng nguyên đơn có lập danh sách hui và giao cho bị đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên thực hiện hợp đồng góp hui bằng lời nói là phù hợp quy định tại Điều 119 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 23/11/2021 thì chị Thạch Thị Ph thừa nhận còn nợ chị Ng 05 lần hui chết với số tiền là 15.000.000 đồng nhưng chị không đồng ý ký tên vào biên bản vì không có tiền để trả nợ cho chị Ng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết không phải chứng minh phù hợp với quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì nguyên đơn chị Ng đưa ra yêu cầu và bị đơn chị Ph đã thừa nhận. Việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là thực hiện đúng quyền của chủ hui được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định “Về họ, hui, biên, phường” quy định quyền của chủ hui cụ thể: “Yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó”. Do chị Ng đã chứng minh được đã choàng hui thay đồng thời Tòa án đã tiến hành lấy lời khai các hui viên mà chị Ng đã choàng thay thì các hui viên đều thừa nhận chị Ng đã choàng thay chị Ph số tiền là 12.000.000 đồng và chị Ng đã đóng hui sống trong lần chị Ph hốt hui là 1.030.000 đồng, tổng cộng là 13.030.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Đối ý kiến của chị Ph cho rằng chị không đồng ý trả nợ cho chị Ng với lý do không có tiền để trả chị Ng. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định “*Về họ, hội, biểu, phường*” quy định nghĩa vụ của hội viên cụ thể: “*Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác*”. Do đó, chị Ph phải có trách nhiệm góp hội cho đến khi mãn hội nhưng chị Ph không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hội viên mà chị Ng đã choàng hội thay là 12.000.000 đồng và số tiền chị Ng đã đóng hội sống khi chị hốt hội là 1.030.000 đồng, nên chị Ph phải có trách nhiệm trả lại cho chị Ng số tiền là 13.030.000 đồng, việc chị Ph cho rằng không đồng ý trả vì không có tiền trả là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 1.970.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, khoản 2 Điều 244, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định “*Về họ, hội, biểu, phường*”.

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Ánh Ng.

Buộc chị Thạch Thị Ph có nghĩa vụ trả cho chị Thạch Thị Ánh Ng số tiền là 13.030.000 đồng (*Mười ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày*

*có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền là 1.970.000 đồng. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại trong vụ án khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Ph phải chịu là 651.500 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Thạch Thị Ánh Ng tổng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001132, ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Hoàng Ân**